

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 02 - 2022

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Ng đơn: Chị Trần Kim V, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Số LVL, khóm 6, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Mai Thành Ng, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: HND, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2021 và quá trình xét xử, chị Trần Kim V trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015, chị V và anh Mai Thành Ng tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống đôi bên không hòa hợp, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, chị V và anh Ng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Chị V xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị V và anh Ng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Mai Thành Ng đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Mai Thành Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Năm 2015, anh Mai Thành Ng và chị Trần Kim V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị V trình bày: Do quá trình chung sống chị và anh Ng không hòa hợp, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau, hiện nay chị V và anh Ng đã ly thân từ năm 2020. Chị V xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ng. Về phía anh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án cho thấy anh Ng không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị V. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Ng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn với anh Ng.

[4] Về con chung: Chị Trần Kim V và anh Mai Thành Ng không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ lại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim V về việc xin ly hôn anh Mai Thành Ng.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim V phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/10/2021, chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000603 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Liêm

Huỳnh Hoàng Khởi

Hàng Bích Trâm

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND **phường 5**, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hàng Bích Trâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Cà Mau, ngày 05 tháng 9 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút, ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông

Ông

Tiến hành thảo luận đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Ng đơn: Bà Nguyễn Thị Việt Hồng, Sinh năm: 20/8/1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Sinh, Sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận Bà Nguyễn Thị Việt Hồng và ông Nguyễn Văn Sinh là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Gia Khang, sinh ngày 30/12/2007 và Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 20/4/2010 cho ông Nguyễn Văn Sinh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Hồng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.500.000đ/tháng, mỗi người con 750.000 đồng/tháng đến khi mỗi con chung tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Hồng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 25/5/2022 bà Hồng đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001419 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Bà Hồng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ng đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Tập thể thống nhất ý kiến 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, có đọc lại và Hội đồng đồng ý ký tên vào biên bản.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Bích Trâm